

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 22 đến 31/10/2024)

1.1. Khu vực miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-70mm, có nơi trên 100mm như: Bắc Mê (Hà Giang) 160.1mm, Tam Đường (Lai Châu) 125.4mm,...
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tăng so với tuần trước, sông Lô giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái lớn hơn TBNN cùng kỳ 14%, trên sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 2%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-50mm, có nơi trên 50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao tại Yên Bái lớn hơn TBNN cùng kỳ 19%, sông Lô tại Tuyên Quang lớn hơn TBNN cùng kỳ 10%.

1.2. Khu vực Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-60mm, có nơi trên 100mm như: Tiên Yên (Quảng Ninh) 102.3mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên, tổng lượng dòng chảy cao thấp so với TBNN 9. - Hệ thống sông Thái Bình: mực nước biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn 23% so với TBNN cùng kỳ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ là 58%. + Hạ lưu sông Hồng: Dòng chảy biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 2%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-100mm, có nơi trên 150mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy cao hơn 25% so với TBNN. + Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam dự báo tăng so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy cao hơn TBNN cùng kỳ 64%; tổng lượng dòng chảy tại Chũ cao hơn 13%. + Dòng chảy hạ lưu sông Hồng sẽ biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết hồ chứa thượng lưu. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội tuần tới dự báo ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 22%.

1.3. Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 100-300mm, có nơi trên 300mm như Con Cuông (Nghệ An) 333.5mm
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa giảm hơn so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 24%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn 70%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn 82%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn 79%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-200mm, có nơi trên 300mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, trên các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh có khả năng xuất hiện một đợt lũ. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa giảm hơn so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 23%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn 13%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn 87%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn 35%.

1.4. Trung Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 150-300mm, có nơi trên 300mm như Tam Kỳ (Quảng Nam) 327.1mm, Quảng Ngãi 336.4mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình

đến Quảng Ngãi thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) thấp hơn TBNN cùng kỳ 44%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) thấp hơn 39% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) thấp hơn 59% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100-200mm, có nơi trên 300mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có khả năng xuất hiện một đợt lũ. Dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi tăng cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch thấp hơn TBNN cùng kỳ 20%, sông Thu Bồn (Quảng Nam), sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) thấp hơn TBNN 37 - 40%.

1.5. Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-100mm, có nơi trên 100mm như: Sơn Hòa (Phú Yên) 129.3mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) thấp hơn TBNN cùng kỳ 81%, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 89%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) cao hơn 55%, sông Lũy (Bình Thuận) cao hơn 121%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 28%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-80mm, có nơi trên 100mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 62%, sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng cao hơn 51%.

1.6. Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-100mm, có nơi trên 150mm như Cát Tiên, Bảo Lộc (Lâm Đồng) lần lượt là 257.8mm và 243.4mm

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, trên sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện 2 đợt lũ, đỉnh lũ cao nhất tại trạm Thanh Bình trên mức BĐ3. Lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức tương đương và giảm so với tuần vừa qua; riêng sông Đăk Nông và Cam Ly lưu lượng dòng chảy tăng. Tổng lượng dòng

chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 93%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 53%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 50-100mm, có nơi trên 150mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi ở mức tương đương và tăng so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 91%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 50%.

1.7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-200mm, có nơi trên 200mm như: Tây Ninh 206.6mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-100mm, có nơi trên 150mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm; trên sông Tiền tại Tân Châu ở mức cao hơn TBNN khoảng 10%, trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức tương đương cùng kỳ TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/11/2024

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ 22 đến ngày 31/10/2024

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 15/10 đến 21/10	So sánh TBNN (%)	Dự báo											So sánh TBNN (%)
				22/10	23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	31/10	Tổng	
Tây Bắc	Tam Đường	125	> 1020	2.6	0.2	0	0	0	0	0	0	0	0	2.8	< 90
	Sơn La	0.1	< 98	0.6	0.1	0	0	0	0	4.4	0	0	0	5.1	< 45
	Lào Cai	53.8	> 267	8.1	0	0	0	0	0	0.1	0	0	0	8.2	< 60
Việt Bắc	Yên Bái	160.1	> 649	7.2	0	0	0	0	0.2	1	0	0	0	8.4	< 64
	Tuyên Quang	22.4	> 40	7.6	0	0	0	1.6	0.1	1.5	0	0	0	10.8	< 30
	Hà Giang	105	> 505	8.7	0	0	0	0	0	1.8	0	0	0	10.5	< 63
	Cao Bằng	42.4	> 172	3.8	0	0	0	1.2	2.9	0.3	0	0	0	8.2	< 16
Đông Bắc	Lạng Sơn	0.1	< 99	1.6	0	0	0	0.7	9.5	6.7	8.5	2.4	0	29.4	> 281
	Hòa Bình	58	> 138	3.1	0	0	0	11	13.7	24	0.7	0	0	52.5	> 139
	Bắc Giang	14.6	< 34	0.4	0	0	0	19.1	15.8	22.6	3.1	0	0	61	> 385
	Quảng Ninh	7.1	< 77	0.9	0	0	0.6	0.5	1.5	18.5	47.2	32.5	0	101.7	> 742
Đồng Bằng Bắc Bộ	Láng	37.9	> 66	1.7	0	0	0	2.8	12.5	25.8	1.5	0	0	44.3	> 232
	Thái Bình	49.6	> 55	1.8	0	0	0	10.3	21.6	53.6	26.3	0	0	113	> 357
	Nam Định	27	< 12	10.9	0	0	0	8.4	17.3	55.1	55.3	15.8	0	162	> 356
Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá	143	> 140	5.6	0	0	0	17.4	31.3	61.6	25.6	0	0	141	> 250
	Vinh	351	> 127	27.4	0.3	0	0	25.1	38.6	82.2	41.2	0	0	214	> 90
	Hà Tĩnh	177	< 22	39.3	7.1	0	0	31.4	43.3	122	52.8	0	0	296	> 134
Trung Trung Bộ	Huế	210	< 3	21.1	5.7	0.4	0	190	138	1.5	15.2	17.5	16.2	406	> 159
	Quảng Ngãi	336	> 71	34.3	3.4	0.2	0	65	9.2	16.3	32.5	0.1	3.8	164	< 11
Nam Trung Bộ	Nha Trang	13.4	< 79	25.8	0.3	0.2	0.4	0	4.3	16.7	15.9	1.1	1.5	66.2	< 38
Tây Nguyên	Kon Tum	29.3	< 46	1.2	0	0	0	38.1	19.2	20.7	2	1.1	0.8	83.1	> 217
	Buôn Mê Thuột	75	> 120	4.7	1.1	0.9	0.2	2.3	64.3	11.3	18.6	0.2	0.1	103	> 172
Nam Bộ	Biên Hòa	148	> 182	20.2	23.8	0.5	0.2	0.7	7.4	28.8	9	4.1	0	94.7	> 59
	Cần Thơ	271	> 392	18.9	8.2	0.7	1.2	2.6	2.8	20.2	11.7	1.2	1.4	68.9	> 11

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ 22 đến ngày 31/10/2024

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 15/10 đến 21/10	So sánh TBNN (%)	Dự báo											So sánh TBNN (%)
				22/10	23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	31/10	Tổng	
Đà	Hồ Hòa Bình	964	> 9	110	103.6	110	103.6	116.6	112.3	129.6	129.6	116.6	116.6	1144	> 10
Thao	Yên Bái	521	> 14	58	56	54	50	54	60.0	71	64	60	54	580	> 19
Lô	Tuyên Quang	295	< 2	45	44	44	43	45	44.0	48	45	44	43	445	> 10
Cầu	Gia Bảy	30.97	> 23	4.41	3.97	3.63	3.97	4.84	8.6	11.84	7.17	4.84	3.97	57.2	> 64
Lục Nam	Chũ	8.65	< 58	1.3	1.4	1.3	1.10	1.3	3.1	3.89	2.12	1.56	1.3	18.36	> 13
Hồng	Hà Nội	1289	> 2	184.9	184.9	189.2	185.7	185.7	193.5	177.1	164.1	162.4	144.2	1772	>22
Mã	Cắm Thủy	334	> 24	34.47	34.11	33.75	34.84	36.29	38.1	41.73	39.92	35.2	34.47	362.8	> 23
Cả	Yên Thượng	242	< 70	60.33	59.69	59.06	60.96	63.5	66.7	73.03	69.85	61.6	60.33	635.0	< 13
La	Hòa Duyệt	79.8	< 79	28.73	28.43	28.12	29.03	30.24	31.8	34.78	33.26	29.33	28.73	302.4	> 35
Tả Trạch	Thượng Nhật	17.1	< 44	2.9	3.3	2.9	2.6	3.3	3.6	4.0	3.6	3.3	2.9	32.4	< 20
Thu Bồn	Nông Sơn	264	< 39	63.1	49.8	40.2	35.8	40.2	49.8	57.5	52.3	44.8	40.2	473.7	< 37
Trà Khúc	Sơn Giang	125	< 59	40.9	30.2	25.7	22.4	25.7	32.6	39.4	35.1	26.9	23.5	302.4	< 40
Ba	Củng Sơn	36.8	< 89	8.64	7.78	7.34	12.96	21.6	25.9	22.46	17.28	15.55	13.82	153.3	< 62
Cái NT	Đông Trăng	53.6	> 55	7.78	7.34	6.91	7.78	8.64	13.0	10.37	9.5	9.07	8.64	88.99	> 51
ĐăkBlá	KonTum	8.17	< 93	1.18	1.14	1.34	1.11	1.43	1.3	1.26	1.43	1.17	1.26	12.7	< 91
Srêpôk	Giang Sơn	39.4	< 53	6.57	6.7	6.44	6.22	5.88	5.6	5.53	5.44	5.57	5.7	59.7	< 50
Tiền	Tân Châu			1237	1220	1198	1188	1183	1190	1198	1210	1220	1231	12075	> 10
Hậu	Châu Đốc			257	256	255	254	247	249	252	254	255	255	2727	~ TBNN